TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án: 47/2025/ HNGĐ - ST Ngày 11/9/2025	
" V/v tranh chấp ly hôn, con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TỈNH BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vi Thị Tú;

2. Ông Nguyễn Ngọc Ngát;

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà***: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXX- ST ngày 01 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị P, sinh năm 1982; Số CCCD: 024182016211; Địa chỉ thường trú: Thôn L, xã A, tỉnh Bắc Ninh; có đơn xin vắng mặt

- *Bị đơn*: Anh Vi Văn T, sinh năm 1978; Số CCCD: 024092002262; Địa chỉ thường trú: Thôn L, xã A, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn cùng với anh Vi Văn T vào năm 2020, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, cả hai có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (Nay là xã V, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 21/12/1999; Cưới xong chị về ở chung cùng với gia đình anh T luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 6/2015, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, bảo nhau không ai nghe ai nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cả hai không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng năm 2015 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn nhau.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung, cháu Vi Hồng C, sinh ngầy 24/11/2000 và cháu Vi Thị Hồng N, sinh ngày 28/6/2007. Các cháu đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không có tài sản chung, công nợ nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2]. Bị đơn anh Vi Văn T hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án giao cho gia đình anh T và niêm yết tại địa phương thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để anh T biết đến làm việc tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặtoHoaf vẫn v, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

[3]. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn anh T vắng mặt không chấp hành đến Tòa án để giải quyết vụ án là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị P và anh Vi Văn T được ly hôn nhau.

Về con chung: Đình chỉ do chị P xin rút yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Trần Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết ly hôn với anh Vi Văn T, anh T hiện đang cư trú tại huyện S (nay là xã A, tỉnh Bắc Ninh). Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động (nay là Toà án nhân dân khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt lần thứ hai; Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nên cần áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện:*

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P kết hôn với anh Vi Văn T vào năm 1999, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang (Nay là xã V, tỉnh Bắc Ninh) số 05 ngày 21 tháng 12 năm 1999. Sau khi cưới chị P về ở chung sống cùng với gia đình anh T luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp.

Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 6/2015, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, bảo nhau không ai nghe ai nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cả hai không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay. Nay chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P xin ly hôn anh T.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"*.

Xét thấy: Chị P và anh T đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hai bên đã không quan tâm giúp đỡ đến nhau, cũng như đã ly thân nhau về mặt tình cảm được một khoảng thời gian và cả hai không giải hòa được. Như vậy, chị P và anh T đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị P, cho chị P và anh T được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung là Cháu Vi Hồng C, sinh ngày 24/11/2000 và cháu Vi Thị Hồng N, sinh ngày 28/6/2007. Các cháu đều đã trưởng thành và ngày 04/8/2025 chị P có đơn xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX đình chỉ yêu cầu của chị P theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tài sản chung, công nợ: Chị P xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 244, 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị P và anh Vi Văn T được ly hôn nhau.

[2]. Về con chung: Đình chỉ giải quyết về con chung, do chị P có đơn rút yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị P đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005424 ngày 10/4/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh). (Xác nhận chị P đã nộp đủ số tiền 300.000đ)

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND KV 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS KV 5- Bắc Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Vân Sơn;
- Lưu .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn